

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2927/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 02 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán bảo vệ rừng
Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2018
Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên cao su Hương Khê, Hà Tĩnh.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 17/2015/QĐ-TTg ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế rừng phòng hộ số 49/2016/QĐ-TTg ngày 01/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý rừng sản xuất;

Căn cứ Thông tư 21/2017/TT-BNN ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện Quyết định 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MPTLN bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 23/2106/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành tỷ lệ chi phí đầu tư các hạng mục trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao chỉ tiêu khối lượng nhiệm vụ và phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2018;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê, Hà Tĩnh tại Tờ trình số 679/TTr – CSHK ngày 21/9/2018 về việc thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán bảo vệ rừng, Chương trình mục tiêu-PTLN bền vững năm 2018 (kèm hồ sơ); báo cáo thẩm định số 378 /BC-SNN ngày 28/9/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật và dự toán bảo vệ rừng - Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2018 đối với Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê, Hà Tĩnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên công trình, chủ đầu tư, hình thức đầu tư:

- Tên công trình: Bảo vệ rừng.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV cao su Hương Khê, Hà Tĩnh.

- Hình thức đầu tư: Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện.

2. Địa điểm xây dựng công trình: trên diện tích rừng phòng hộ và sản xuất là rừng tự nhiên do Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê quản lý tại các xã: Sơn Hồng - huyện Hương Sơn; Hương Giang, Hương Thủy, Phương

Mỹ- huyện Hương Khê; Hương Thọ - huyện Vũ Quang; Tân Hương, Tùng Ảnh - huyện Đức Thọ.

3. Mục tiêu xây dựng công trình:

Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, nâng cao chất lượng rừng, tăng cường khả năng phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, góp phần hạn chế thiên tai lũ lụt điều hòa khí hậu; góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống người cho người nhận khoán là nhân viên bảo vệ rừng của đơn vị, người dân sống gần rừng; góp phần ổn định an ninh trật tự xã hội.

4. Nội dung và quy mô của công trình:

- Nội dung bảo vệ rừng: Thực hiện các nội dung công tác bảo vệ rừng theo hồ sơ đơn vị xây dựng và các quy định hiện hành như hồ sơ thiết kế kỹ thuật đơn vị xây dựng.

- Quy mô, diện tích bảo vệ rừng: 2.440,73 ha, trong đó rừng phòng hộ 78,74 ha, rừng sản xuất là rừng tự nhiên 2.361,99 ha.

(Chi tiết có Biểu 01 và bản đồ, hồ sơ thiết kế kèm theo)

5. Tổng vốn đầu tư: 496,02 triệu đồng, trong đó:

- Chi phí trực tiếp: 446,418 triệu đồng, gồm:

+ Bảo vệ vòng trong: 386,896 triệu đồng.

+ Bảo vệ vòng ngoài: 59,522 triệu đồng.

- Chi phí khác: 49,602 triệu đồng.

- Bình quân: Rừng phòng hộ: 300.000 đồng/ha/năm; rừng tự nhiên sản xuất: 200.000 đồng/ha/năm.

6. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu PTLN bền vững năm 2018 được giao tại Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 30/8/2018.

7. Thời gian thực hiện: Năm 2018.

Điều 2: Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định:

- Sở-Nông-nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan kiểm tra giám sát, hướng dẫn Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê, Hà Tĩnh thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ rừng, đảm bảo tiến độ, có hiệu quả và đúng quy định.

- Các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Kho Bạc nhà nước tỉnh theo chức năng nhiệm vụ, căn cứ quyết định được phê duyệt và các quy định hiện hành bố trí, hướng dẫn sử dụng vốn, thanh quyết toán kinh phí bảo vệ rừng đối với đơn vị đúng tiến độ, thời gian và chế độ theo quy định.

- Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê, Hà Tĩnh phối hợp cơ quan chức năng của các huyện: Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Đức Thọ, chính quyền các xã và người dân trên địa bàn thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng theo hồ sơ thiết kế, dự; lập đầy đủ hồ sơ, hợp đồng giao khoán; tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán nguồn vốn theo đúng quy định hiện hành, đồng thời huy động mọi nguồn lực hợp pháp khác, tổ chức lực lượng tại các đơn vị trực thuộc (nông trường,

đội sản xuất) để bảo vệ rừng trên diện tích đã giao. Báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp và PTNT.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch đầu tư, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện: Hương Sơn, Vũ Quang, Đức Thọ, Hương Khê; Giám đốc Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê, Hà Tĩnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT Đặng Ngọc Sơn;
- VP Ban CE CTMT PTLN bền vững tỉnh;
- Chánh, Phó VP theo dõi NL;
- Lưu: VT, NL₃.

[Handwritten signature]

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Sơn

[Vertical stamp or mark on the right margin]

Biểu 01

**PHÊ DUYỆT ĐỊA DANH DIỆN TÍCH, NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HẠNG MỤC BẢO VỆ RỪNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG NĂM 2018**

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cao Su Hương Khê, Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số 2927/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	Huyện, xã	Tiểu khu	Khoảnh	Số lô	Số hộ bảo vệ	Diện tích BV rừng (năm thứ nhất)	Trong đó (ha)	
							Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
	Tổng cộng	12	42	194	15	2.440,73	78,74	2.361,99
I	Huyện Hương Sơn	3	13	76	5	974,56		974,56
1	Xã Sơn Hồng	3	13	76	5	974,56	-	974,56
		1	5	27		329,0		329,0
			3	10		126,1		126,1
			5	1		2,24		2,24
			6	4		59,09		59,09
			7	7		79,76		79,76
			8	5		61,8		61,8
		4	4	13		162,5		162,5
			1	2		23,72		23,72
			2	8		98,99		98,99
			3	2		29,93		29,93
			5	1		9,88		9,88
		11	4	36		483,1		483,1
			1	12		166,16		166,16
			2	10		125,12		125,12
			3	12		170,36		170,36
			4	2		21,41		21,41
II	Huyện Hương Khê	6	22	90	7	1.105,68	71,84	1.033,84
1	Xã Hương Giang	2	11	40	2	455,64	71,84	383,80
		195	4	12		144,50	-	144,50
			1	1		6,73		6,73
			1a	3		35,78		35,78
			3a	7		97,38		97,38
			4a	1		4,61		4,61
		200	7	28		311,14	71,84	239,30
			1	2		19,68		19,68
			3	2		29,19		29,19
			5	6		65,26		65,26
			7	5		71,84	71,84	
			8	1		5,52		5,52
			9	6		47,82		47,82
			10	6		71,83		71,83
2	Xã Hương Thủy	2	9	47	4	625,31	-	625,31

TT	Huyện, xã	Tiểu khu	Khoảnh	Số lô	Số hộ bảo vệ	Diện tích BV rừng (năm thứ nhất)	Trong đó (ha)	
							Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất
		175	8	44		579,08	-	579,08
			2	5		57,7		57,7
			3	3		46,33		46,33
			4a	6		73,02		73,02
			10	8		96,54		96,54
			11	9		126,3		126,3
			12	3		40,7		40,7
			13a	4		48,19		48,19
			14a	6		90,3		90,3
		186	1	3		46,23		46,23
3	Xã Phương Mỹ	2	2	3	1	24,73	-	24,73
		152	4	2	1	17,71		17,71
		161	2	1		7,02		7,02
III	Huyện Vũ Quang	1	3	17	1	245,4	-	245,4
1	Xã Hương Thọ	1	3	17	1	245,39	-	245,39
		159	3	17		245,39	-	245,39
			8a	1		6,77		6,77
			9	10		145,81		145,81
			10	6		92,81		92,81
IV	Huyện Đức Thọ	2	4	11	2	115,1	6,9	108,2
1	Xã Tân Hương	1	2	9	1	108,2	-	108,2
		116	8	4		43,53		43,53
			9	5		64,67		64,67
2	Xã Tùng Ảnh	1	2	2	1	6,90	6,90	-
		104B	2	2	2	6,90	6,90	-
			1	1		4,72	4,72	
			2	1		2,18	2,18	

(Chi tiết đến đến lô, hộ: như hồ sơ của đơn vị kèm theo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Handwritten signature



**TỔNG HỢP NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ BẢO VỆ RỪNG
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG NĂM 2018**

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê Hà Tĩnh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	Hạng mục chi phí	Tỷ lệ % chi phí theo quy định	Tổng kinh phí (Triệu đồng)	Kinh phí bảo vệ rừng năm thứ nhất Diện tích 2.440,73 ha			
				Rừng tự nhiên sản xuất, diện tích 2.361,99 ha		Rừng phòng hộ, diện tích 78,74 ha	
				Đơn giá (đồng/ha)	Kinh phí (Trđ)	Đơn giá (đồng/ha)	Tkinh phí (trđ)
	Tổng cộng (1+2)	100	496,02	200.000	472,398	300.000	23,622
1	Chi phí trực tiếp	90	446,418	180.000	425,158	270.000	21,260
-	Khoán hộ bảo vệ vòng trong	78	386,896	156.000	368,470	234.000	18,425
-	Bảo vệ vòng ngoài	12	59,522	24.000	56,688	36.000	2,835
2	Chi phí phục vụ sản xuất	10	49,602	20.000	47,240	30.000	2,362
-	Thăm định	3	14,881	6.000	14,172	9.000	0,709
-	Lập hồ sơ thiết kế dự toán Kiểm tra, N.thu, thanh quyết toán	5	24,801	10.000	23,620	15.000	1,181
-		2	9,920	4.000	9,448	6.000	0,472

(Ghi chú: Kinh phí quản lý, theo tỷ lệ % quy định với kết quả thực hiện)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

